

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN HAPROSIMEX**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012**

MỤC LỤC

<b>NỘI DUNG</b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 4
CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	
• BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 6
• BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	7
• BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	8
• THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	9 - 22

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Haprosimex (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

### **BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Cự Tâm

Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Vũ Văn Hải

Ông Nguyễn Minh Tuấn

Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc

Phó Tổng Giám đốc (Miễn nhiệm từ tháng 06/2012)

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Thiết lập và áp dụng kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Cự Tâm  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 22 tháng 05 năm 2013



Số: 111a/2013/AP - BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc  
Công ty TNHH một thành viên Haprosimex**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty TNHH MTV Haproximex từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Ngoại trừ các hạn chế phạm vi kiểm toán, chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Hạn chế về phạm vi kiểm toán**

- Trong Báo kiểm toán số 102/2012/AP-BCKT ngày 12/06/2012 về Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2010 đến ngày 31/12/2011 của Công ty TNHH một thành viên Haprosimex kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến từ chối liên quan tới hạn chế phạm vi kiểm toán đối với số dư của các khoản mục công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, trả trước người bán; khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ tại công ty khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long và giá trị ghi sổ tại công ty con,... Những hạn chế phạm vi kiểm toán nói trên được đánh giá là tiếp tục ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012. Do ảnh hưởng của những vấn đề nói trên, chúng tôi không đưa ra ý kiến về các số liệu tại ngày 01/01/2012 là các số liệu tại ngày 31/12/2011 chuyển sang cũng như ảnh hưởng của chúng tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.
- Tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện đối chiếu đầy đủ các khoản công nợ phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và trả trước cho người bán, tạm ứng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục kiểm toán cần thiết cũng như các thủ tục kiểm toán thay thế khác để xác nhận tính hiện hữu và đầy đủ của



các khoản nợ phải thu và nợ phải trả còn lại tại ngày 31/12/2012 của Công ty. Đồng thời, Công ty chưa thực hiện phân tích và đánh giá đầy đủ các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, khó có khả năng thu hồi để làm cơ sở lập dự phòng hoặc xóa nợ theo quy định tại Thông tư 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính (theo ước tính của chúng tôi, khoản dự phòng tối thiểu cần phải lập đối với các khoản nợ đã quá thời hạn thanh toán theo hợp đồng khoảng 33,77 tỷ đồng, ngoài ra chúng tôi không đánh giá được đầy đủ các ảnh hưởng bởi các yếu tố chưa xác định khác tới số dư các khoản công nợ phải thu tại ngày 31/12/2012). Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về số dư các khoản mục công nợ phải thu khách hàng, phải trả người bán, trả trước cho người bán và dự phòng phải thu khó đòi cũng như ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục có liên quan khác đang trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị thuần có thể thực hiện được của giá trị thành phẩm, hàng hóa tại Công ty là 7,99 tỷ đồng để làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định tại Thông tư 228/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính. Chúng tôi không thu thập được các bằng chứng kiểm toán để đánh giá được giá trị dự kiến có thể thu hồi của lượng hàng tồn kho nêu trên. Đồng thời chúng tôi cũng không thu thập được các bằng chứng để đánh giá tính hợp lý của phương pháp tập hợp chi phí sản xuất, tính giá thành và xác định chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại Xí nghiệp Dệt Kim Haproximex là đơn vị trực thuộc Công ty. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về khoản mục hàng tồn kho đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012 và ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.
- Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang công trình nhà máy nước Đồng Anh tại ngày 31/12/2012 là 53.794.742.065 đồng trong đó chi phí lãi vay vốn hóa là 19.418.403.663 đồng. Theo báo cáo kiểm toán và Báo cáo quyết toán vốn đầu tư hoàn thành số 740/BCKT-XD ngày 28 tháng 11 năm 2011 của Công ty Kiểm toán và Kế toán Hà Nội giá trị quyết toán công trình là 50.390.679.335 đồng, đồng thời kiểm toán viên đã đưa ý kiến ngoại trừ liên quan đến hạn chế phạm vi kiểm toán nên không xác định tính hợp lý của chi phí lãi vay của nguồn vốn tự có và lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam được vốn hóa vào giá trị công trình (lãi vay vốn hóa vào giá trị công trình là 17.148.870.605 đồng). Trong năm 2012 Công ty ghi nhận thêm chi phí lãi vay vào giá trị công trình với số tiền là 2.110.785.478 đồng. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của chi phí lãi vay được vốn hóa vào giá trị công trình nói trên và ảnh hưởng của vấn đề này tới Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.
- Tại thời điểm 31/12/2012, Công ty và Công ty Cổ phần Haproximex Đồng Đô chưa thống nhất các số liệu để thực hiện bàn giao Xí nghiệp Mù Xuất khẩu cho Công ty cổ phần Haproximex Đồng Đô tại ngày 27/04/2011. Trong năm 2012, công ty chưa ghi nhận các nghĩa vụ về tài sản và công nợ liên quan đến số liệu bàn giao trên trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012. Theo đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính đầy đủ của các khoản công nợ liên quan đến Công ty cổ phần Haproximex Đồng Đô.
- Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, Công ty chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty Cổ phần Haproximex Thăng Long, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty con là Công ty Cổ phần Haproximex Thăng Long với số vốn góp của Công ty là 19,045 tỷ đồng chiếm 71,87% vốn điều lệ của Công ty cổ phần Haproximex Thăng Long được phản ánh trên số dư khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012 của Công ty. Do vậy, chúng tôi không đưa ra ý kiến nhận xét về số dư của khoản mục Đầu tư vào công ty con tại ngày 31/12/2012 cũng như các ảnh hưởng của việc không hợp nhất báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Haproximex Thăng Long tới Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.
- Theo Hợp đồng nguyên tắc thuê đất và sử dụng tiện ích số 01/HĐ-CCN (CN-04) ngày 06 tháng 09 năm 2006 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 và Công ty Sản xuất – Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội nay là Công ty TNHH MTV Haproximex, Công ty nhận quyền sử dụng và giữ lô đất duy nhất có diện tích 34.077,13 m<sup>2</sup> tại Cụm Công nghiệp Ninh Hiệp và sử dụng các tiện ích khác. Công ty chưa ghi nhận chi phí thuê đất, chi phí sử dụng các dịch vụ tiện ích và số tiền phải trả khác liên quan đến các điều khoản của Hợp đồng cho Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 vào Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012. Đến thời điểm hiện tại Công ty chưa có các văn bản làm việc chính thức với Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng khu công nghiệp và Đô thị số 18 để thống nhất số liệu trên. Do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính đầy đủ của số dư khoản mục phải trả người bán đang được trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2012 cũng như ảnh hưởng của khoản mục này đến các khoản mục khác đang được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.



### **Khác biệt trong xử lý kế toán**

- Trong năm 2010, Công ty đã thực hiện điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định là Nhà máy Dệt kim Haproximex theo kết quả kiểm toán Báo cáo quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản và thực hiện trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, Công ty chưa trích khấu hao đối với một số tài sản là máy móc thiết bị với chi phí khấu hao ước tính khoảng 19,3 tỷ đồng và chưa điều chỉnh phần khấu hao trích thiếu của năm 2010. Đồng thời trong kỳ hoạt động từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2011 Công ty đang trích thiếu số khấu hao tài sản cố định là Nhà máy Dệt kim Haproximex với số tiền khoảng 554,6 triệu đồng. Nếu Công ty thực hiện điều chỉnh phần khấu hao trích thiếu của năm 2010 và năm 2011 vào năm tài chính hiện tại thì kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2012 sẽ giảm đi với số tiền là khoảng 19,85 tỷ đồng.
- Công ty ghi nhận chi phí lãi vay phát sinh trong năm 2011 và 2012 của các khoản vay để đầu tư dự án Nhà máy Dệt kim Haproximex (đã hoàn thành và đưa vào hoạt động chính thức từ năm 2009) với số tiền lần lượt là 47.734.965.947 đồng và 40.027.110.191 đồng vào chi phí trả trước dài hạn và 3.053.254.815 đồng vào chi phí phải trả mà không ghi nhận là chi phí tài chính để xác định kết quả kinh doanh trong năm theo quy định. Nếu Công ty hạch toán chi phí lãi vay trên theo đúng hướng dẫn của chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành thì kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền là 90.815.330.953 đồng.
- Trong năm 2012, Công ty chưa tiến hành phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haproximex vào chi phí tài chính trong năm, ước tính số cần phân bổ là 7.829.388.094 đồng. Nếu thực hiện phân bổ chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư theo đúng quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC thì kết quả kinh doanh trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty sẽ giảm đi với số tiền là 7.829.388.094 đồng.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Do ảnh hưởng trọng yếu của các hạn chế phạm vi kiểm toán và khác biệt trong xử lý kế toán nêu trên nên chúng tôi không thể đưa ra ý kiến kiểm toán cho các Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012.

### **Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi xin lưu ý các vấn đề sau:**

Như đã nêu tại thuyết minh số 2 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập với giả thiết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh mặc dù kết quả kinh doanh trong năm 2012 của Công ty bị lỗ khoảng 27,085 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2012 khoảng 163,425 tỷ đồng. Tại ngày 31/12/2012 công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn khoảng 284,82 tỷ đồng, nguồn vốn chủ sở hữu đang bị âm với số tiền 21,33 tỷ đồng. Các vấn đề nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh trong thời gian tới của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào việc thu hồi các khoản nợ phải thu, cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thời gian trả nợ của các ngân hàng và chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán cũng như khả năng sinh lời từ các hoạt động kinh doanh và đầu tư trong tương lai. Báo cáo tài chính kèm theo không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.



**Vũ Bình Minh**  
Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0034/KTV

**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

**Bùi Quốc Trung**  
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1937/KTV



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**Mẫu B 01 - DN**  
Đơn vị: VND

<b>TÀI SẢN</b>	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>98.663.563.603</b>	<b>100.352.757.052</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>15.465.763.966</b>	<b>3.328.466.031</b>
1. Tiền	111		15.465.763.966	3.328.466.031
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>992.612</b>	<b>992.612</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		3.327.425	3.327.425
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(2.334.813)	(2.334.813)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>51.966.558.189</b>	<b>55.282.352.183</b>
1. Phải thu của khách hàng	131		31.700.346.476	32.933.824.150
2. Trả trước cho người bán	132		13.137.168.342	14.507.967.977
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		67.076.882	67.076.882
5. Các khoản phải thu khác	135		12.190.756.666	12.645.839.327
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(5.128.790.177)	(4.872.356.153)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>5</b>	<b>22.658.778.364</b>	<b>32.585.803.887</b>
1. Hàng tồn kho	141		22.700.383.934	32.585.803.887
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(41.605.570)	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.571.470.472</b>	<b>9.155.142.339</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	36.282.682
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		2.545.658.724	3.348.828.499
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		215.145.580	15.199.018
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		5.810.666.168	5.754.832.140
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>447.834.697.362</b>	<b>456.046.198.746</b>
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>290.392.801.977</b>	<b>311.097.224.503</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>7</b>	226.872.434.884	250.880.727.258
- Nguyên giá	222		347.778.019.396	353.866.073.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(120.905.584.512)	(102.985.346.228)
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		12.000.000	12.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.000.000)	(12.000.000)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>6</b>	63.520.367.093	60.216.497.245
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>53.419.679.043</b>	<b>80.588.182.437</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	<b>8</b>	19.045.267.289	21.496.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	<b>9</b>	33.671.249.354	33.271.620.037
3. Đầu tư dài hạn khác	258	<b>10</b>	703.162.400	25.820.562.400
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>		<b>104.022.216.342</b>	<b>64.360.791.806</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	104.022.216.342	64.360.791.806
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>280</b>		<b>546.498.260.965</b>	<b>556.398.955.798</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MẪU B 01 - DN**  
**Đơn vị: VND**

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>557.275.487.385</b>	<b>547.459.816.135</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>383.492.594.935</b>	<b>361.797.223.685</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	12	212.538.833.659	226.209.699.932
2. Phải trả cho người bán	312		19.738.892.728	23.762.688.777
3. Người mua trả tiền trước	313		4.394.582.324	6.904.867.679
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		2.641.990.157	3.007.022.289
5. Phải trả người lao động	315		5.382.564.627	4.130.412.428
6. Chi phí phải trả	316		3.868.177.984	1.623.258.781
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	13	134.478.597.845	95.674.484.469
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		448.955.611	484.789.330
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>173.782.892.450</b>	<b>185.662.592.450</b>
3. Phải trả dài hạn khác	333		20.000.000	30.000.000
4. Vay và nợ dài hạn	334	14	161.004.846.743	172.874.546.743
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		30.772.980	30.772.980
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	15	12.727.272.727	12.727.272.727
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>(21.335.021.114)</b>	<b>(1.286.119.979)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>(21.335.021.114)</b>	<b>(1.286.119.979)</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	16	173.540.229.214	165.012.862.405
4. Cổ phiếu quỹ	414	16	(159.000.000)	(159.000.000)
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	16	(39.413.425.494)	(39.357.953.791)
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	16	3.286.580.930	3.183.458.431
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	16	3.459.545.969	3.013.134.597
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	16	1.362.225.160	1.013.799.142
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	16	(163.425.461.934)	(134.006.705.804)
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		14.285.041	14.285.041
<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SÓ</b>	<b>431</b>		<b>10.557.794.694</b>	<b>10.225.259.642</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>546.498.260.965</b>	<b>556.398.955.798</b>

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Trưởng phòng kế toán



Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Nguyễn Cự Tâm



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

Mẫu B 02 - DN  
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Kỳ hoạt động từ 01/12/2010 đến 31/12/2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		134.739.608.676	238.987.438.179
2. Các khoản giảm trừ	02		832.603.526	3.393.000.004
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	17	133.907.005.150	235.594.438.175
4. Giá vốn hàng bán	11	18	140.616.777.345	209.963.557.463
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		(6.709.772.195)	25.630.880.712
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	361.701.474	2.478.901.300
7. Chi phí tài chính	22	20	2.499.714.315	6.027.043.998
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.239.863.974	5.464.897.307
8. Chi phí bán hàng	24		6.701.189.101	16.850.974.373
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		26.736.975.396	31.656.109.545
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(42.285.949.533)	(26.424.345.904)
11. Thu nhập khác	31	21	11.744.923.838	3.917.486.060
12. Chi phí khác	32	22	2.324.202.122	785.405.787
13. Lợi nhuận khác	40		9.420.721.716	3.132.080.273
15. Lãi trong công ty liên kết, liên doanh	50		7.702.191.006	7.060.037.561
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		(25.163.036.811)	(16.232.228.070)
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61		1.922.540.849	554.407.000
18. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế	70		(27.085.577.660)	(16.786.635.070)
20. Lợi ích của cổ đông thiểu số	71		791.370.720	593.819.612
21. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	72		(27.876.948.380)	(17.380.454.682)

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

Trưởng phòng kế toán

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc  
CÔNG TY  
TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN  
MỘT THÀNH VIÊN  
HAPROSIMEX  
Q. HOÀN KIẾM - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Cự Tầm



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

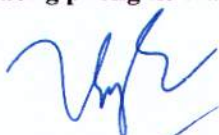
**Mẫu B 03 - DN**

Đơn vị: VND

Kỳ từ 30/11/2010  
đến 31/12/2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(25.163.036.811)	(16.232.228.070)
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	25.739.048.985	27.135.589.467
- Các khoản dự phòng	03	298.039.594	158.308.513
- Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	40.011.413	33.806.902
- Lãi lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.855.463.941)	(9.377.369.474)
- Chi phí lãi vay	06	2.239.863.974	5.464.897.307
3. LN từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(701.536.786)	7.183.004.645
- Giảm/Tăng các khoản phải thu	09	3.551.277.452	10.999.869.906
- Tăng/Giảm hàng tồn kho	10	9.885.419.953	(7.101.102.069)
- Giảm/Tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	30.041.704.986	(38.304.912.946)
- Giảm chi phí trả trước	12	(39.625.141.854)	1.680.863.278
- Tiền lãi vay đã trả	13	(3.665.500.665)	(314.690.103)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(413.363.492)	(208.064.048)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	9.058.509.297
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(6.778.941.278)	(301.605.309)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(7.706.081.684)</b>	<b>(17.308.127.349)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(3.576.213.239)	(13.883.985.541)
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(6.818.542.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	25.117.400.000	5.412.353.007
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	3.355.533.400	1.672.280.531
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>24.896.720.161</b>	<b>(13.617.894.003)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	17.151.963.954	7.516.500.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	50.715.189.728	28.941.443.790
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(72.349.648.574)	(65.300.149.605)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(544.758.000)	(145.600.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.027.252.892)</b>	<b>(28.987.805.815)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>12.163.385.585</b>	<b>(59.913.827.167)</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>3.328.466.031</b>	<b>61.977.238.274</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	<b>61</b>	<b>(26.087.650)</b>	<b>1.265.054.924</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>15.465.763.966</b>	<b>3.328.466.031</b>

Trưởng phòng kế toán



Trần Thị Thanh Hương

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013



Nguyễn Cư Tâm



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH****MẪU B 09-DN/HN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***1. KHÁI QUÁT CHUNG****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH một thành viên Haprosimex (gọi tắt là “Công ty”) là công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con, được thành lập theo quyết định số 23/2006/QĐ-UB ngày 08/3/2006 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội trên cơ sở Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội cũ.

Theo Quyết định số 3365/QĐ-UBND ngày 13/7/2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc chuyển Công ty mẹ - Công ty Sản xuất, xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội thành Công ty TNHH Một thành viên Haprosimex, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0100101724 ngày 01 tháng 12 năm 2010. Công ty đã được Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất số 0100101724 ngày 19/08/2011.

Tên giao dịch quốc tế là HAPROSIMEX GROUP.

Công ty có địa chỉ tại số 22 Hàng Lược, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức của Công ty bao gồm:

- Công ty bao gồm: Văn phòng Công ty tại Hà Nội, Chi nhánh Công ty tại thành phố Hồ Chí Minh, Nhà máy dệt kim Haprosimex.
- Các Công ty con bao gồm: Công ty Cổ phần May Thanh Trì, Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty gồm:

- a) Đầu tư, quản lý vốn đầu tư và trực tiếp tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu trong các ngành, nghề, lĩnh vực chính sau:
  - Tổ chức các cơ sở hàng dệt, may mặc, dệt len, lắp ráp xe gắn máy, chế biến nông lâm sản để xuất khẩu;
  - Xuất khẩu các mặt hàng: thủ công mỹ nghệ, công nghiệp, hàng nông lâm sản, hải sản, lương thực, thực phẩm, khoáng sản, vật tư nguyên liệu, máy móc thiết bị phụ tùng, phương tiện cho các ngành sản xuất, phân bón (trừ loại Nhà nước cấm);
  - Nhập khẩu phương tiện vận tải, ô tô, xe máy, thiết bị vật liệu trang trí nội thất;
  - Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng phát triển nhà, trung tâm thương mại, khách sạn, hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp, công trình công cộng, giao thông, văn hóa (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
  - Kinh doanh bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
  - Dịch vụ cho thuê, nhà ở, kho, bến bãi đỗ xe, siêu thị, giao nhận vận chuyển hàng hóa, các dịch vụ đô thị khác...;
  - Khai thác, sản xuất và kinh doanh nước sạch;
  - Mua, bán, nhập khẩu máy điện thoại và thiết bị viễn thông;
  - Kinh doanh du lịch lữ hành quốc tế và nội địa; dịch vụ thể dục, thể thao, vui chơi giải trí và dịch vụ phục vụ khu vui chơi thể thao (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
  - Tổ chức đào tạo, dạy nghề (chỉ hoạt động sau khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); đưa người lao động Việt Nam đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo quy định hiện hành của Pháp luật;
  - Hợp tác, liên doanh, liên kết, mở cửa hàng, đại lý giới thiệu, tiêu thụ sản phẩm của Công ty và các sản phẩm liên doanh với các tổ chức kinh tế trong và ngoài nước;
- b) Đầu tư và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của chủ sở hữu hoặc cổ đông, thành viên góp vốn tại các đơn vị thành viên, doanh nghiệp có vốn góp của công ty.
- c) Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của Pháp luật.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty TNHH MTV Haprosimex được lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 (không bao gồm báo cáo của Chi nhánh Công ty tại nước Cộng hòa Nam Phi), Công ty Cổ phần May Thanh Trì (Công ty con) và các công ty liên doanh, liên kết được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 (Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất Kinh doanh bao bì và hàng xuất khẩu Hà Nội, Công ty Cổ phần Mỹ nghệ Xuất Nhập khẩu Hà Nội và Công ty Cổ phần Hap Capital là số chưa được kiểm toán). Công ty chưa thực hiện hợp nhất Báo cáo tài chính của Công ty con là Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long với số vốn góp của Công ty là 19,045 tỷ đồng chiếm 71,81% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập với giả định Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh, các số liệu trên Báo cáo tài chính đang thể hiện các khó khăn về tài chính, chi tiết bao gồm:

- Kết quả kinh doanh hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012 của Công ty lỗ khoảng 27,085 tỷ đồng, lỗ lũy kế đến ngày 31/12/2012 khoảng 163,42 tỷ đồng.
- Tại ngày 31/12/2012, giá trị vốn chủ sở hữu của Công ty âm (21,335 tỷ) đồng; công nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản lưu động khoảng 284,8 tỷ đồng, số dư “Nợ phải trả” vượt quá “Nguồn vốn chủ sở hữu” số tiền khoảng 578 tỷ đồng.
- Nguồn tài trợ cho các hoạt động kinh doanh của Công ty là các khoản công nợ phải trả, chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn của các ngân hàng và các bên cho vay khác. Giá trị của các khoản vay nợ đến ngày 31/12/2012 với số tiền khoảng 212 tỷ đồng.
- Doanh thu bán hàng của năm 2012 giảm 43,62% so với kỳ hoạt động trước đó tương ứng 104 tỷ đồng.

Các khó khăn về tài chính nêu trên đã gây nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty. Khả năng tiếp tục hoạt động kinh doanh của Công ty phụ thuộc vào khả năng sinh lời từ hoạt động kinh doanh trong tương lai, việc thu hồi các khoản nợ phải thu, cơ cấu lại các khoản vay, khoản đầu tư dài hạn, cam kết cho vay hoặc điều chỉnh thêm thời gian trả nợ của các ngân hàng, chủ nợ khi các khoản vay và công nợ phải trả đến hạn thanh toán cũng như việc Công ty cần thiết phải xây dựng phương án tái cơ cấu tài chính khi chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên trình cấp có thẩm quyền phê duyệt. Báo cáo tài chính hợp nhất này không bao gồm các điều chỉnh có thể có do ảnh hưởng của các sự kiện không chắc chắn nói trên.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 dương lịch.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH MTV Haprosimex lập cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 và các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty mẹ với công ty con được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của Công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay Công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư**

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán vốn đã niêm yết và chứng khoán nợ do Chính phủ, các tổ chức tín dụng và các tổ chức kinh tế phát hành. Các loại chứng khoán được Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi trong thời gian ngắn hạn được phân loại là công cụ kinh doanh, các loại chứng khoán mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại là tài sản giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư khác được phân loại là tài sản sẵn có để bán.

Chứng khoán kinh doanh và chứng khoán đầu tư được trình bày theo giá gốc. Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài chính ban hành. Thời điểm trích lập được xác định theo ngày khóa sổ kế toán.

**Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận khi hàng hóa đã giao, dịch vụ cung cấp đã hoàn thành, được khách hàng chấp nhận thanh toán.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành và theo các quy định của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Theo đó,



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công ty được phép lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trên hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ hoặc các cam kết nợ hoặc các khoản nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua theo hoá đơn và các khoản chi phí mua hàng. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo phương pháp kê khai thường xuyên.

**Tài sản cố định hữu hình và hao mòn**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 15
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 4

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình là chi phí mua phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**Chi phí xây dựng dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm tiền thuê đất tạm nộp cho Ban quản lý Khu Công nghiệp Ninh Hiệp để thực hiện xây dựng nhà máy dệt kim xuất khẩu, chênh lệch tỷ giá của khoản vay dài hạn ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam và công cụ, dụng cụ xuất dùng.

Tiền thuê đất khu Công nghiệp Ninh Hiệp được phân bổ vào chi phí kinh doanh theo thời gian thuê đất khi Nhà máy dệt kim Haprosimex xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm được phân bổ vào báo cáo kết quả kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi doanh nghiệp có thể thu được các lợi ích kinh tế và doanh thu có thể được xác định một cách chắc chắn. Doanh thu bán hàng nông sản theo giá kỳ hạn được ghi nhận theo giá tạm tính tại thời điểm phát sinh và được điều chỉnh theo giá chính thức khi chốt giá tại thời điểm thỏa thuận theo hợp đồng bán hàng.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hoá được chuyển sang người mua; đồng thời doanh nghiệp có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng. Thời điểm ghi nhận doanh thu thông thường trùng với thời điểm chuyển giao hàng hoá, phát hành hóa đơn cho người mua và người mua chấp nhận thanh toán không phân biệt đã thu được tiền hay chưa thu được tiền.

Doanh thu hoạt động tài chính chủ yếu bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền, các khoản nợ ngắn hạn có gốc ngoại tệ được đề số dư trên Bảng Cân đối kế toán. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản nợ dài hạn được ghi nhận vào doanh thu tài chính trong năm. Đối với khoản chênh lệch tỷ giá tăng khi đánh giá lại số dư ngoại tệ nợ phải trả cuối năm theo thông tư 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 chưa phân bổ hết vào chi phí trong năm thì số dư chưa phân bổ được phân bổ tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh theo thời gian còn lại theo các quy định tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp.

Trong năm 2012, Công ty chưa tiến hành phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái trong giai đoạn đầu tư Nhà máy Dệt kim Haprosimex vào chi phí tài chính theo quy định tại Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012, ước tính số cần phân bổ là 7.829.388.094 đồng.

**Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí đi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Thuế**

Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời. Tuy nhiên, không có bất kỳ tài sản hoặc công nợ thuế hoãn lại nào được ghi nhận tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 do không có khoản chênh lệch tạm thời trọng yếu nào giữa giá trị ghi sổ của tài sản và công nợ ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế tương ứng.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt tại quỹ	783.182.034	1.452.709.806
Tiền gửi ngân hàng	14.682.581.932	1.875.756.225
<b>Cộng</b>	<b>15.465.763.966</b>	<b>3.328.466.031</b>

**5. HÀNG TỒN KHO**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Nguyên liệu, vật liệu	1.153.521.769	7.458.820.118
Công cụ, dụng cụ	725.733.069	646.009.448
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	11.799.815.504	8.242.209.325
Thành phẩm	1.030.765.604	15.158.903.822
Hàng hóa tồn kho	6.966.466.997	164.813.365
Hàng gửi đi bán	1.024.080.991	915.047.809
<b>Cộng</b>	<b>22.700.383.934</b>	<b>32.585.803.887</b>
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	<i>(41.605.570)</i>	<i>-</i>
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>22.658.778.364</b>	<b>32.585.803.887</b>

**6. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Dự án xây dựng Nhà máy nước Đông Anh	53.794.742.065	50.876.656.587
Dự án tổ hợp nhà ở, văn phòng tại 88 Láng Hạ	52.600.000	52.600.000
Chi phí xây dựng hạ tầng nhà máy cụm Công nghiệp Quất Động (*)	-	9.208.040.000
Khác	9.673.025.028	79.200.658
<b>Cộng</b>	<b>63.520.367.093</b>	<b>60.216.497.245</b>



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Mẫu B 09-DN/HN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

## 7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản cố định khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	100.172.106.297	240.526.119.050	2.274.402.493	8.466.074.401	2.427.371.245	353.866.073.486
Tăng trong năm	1.365.599.943	1.873.579.076	103.755.636	-	-	3.342.934.655
Mua sắm mới	-	1.873.579.076	103.755.636	-	-	1.977.334.712
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.365.599.943	-	-	-	-	1.365.599.943
Giảm trong năm	2.102.876.220	3.287.653.262	1.093.055.721	2.519.642.996	427.760.546	9.430.988.745
Thanh lý, nhượng bán	2.102.876.220	3.287.653.262	1.000.455.721	2.470.512.836	340.033.273	9.201.531.312
Giảm do điều chuyển	-	-	92.600.000	49.130.160	87.727.273	229.457.433
Tại ngày 31/12/2012	99.434.830.020	239.112.044.864	1.285.102.408	5.946.431.405	1.999.610.699	347.778.019.396
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2012	20.569.023.395	71.901.102.312	1.946.107.585	6.250.211.878	2.318.901.058	102.985.346.228
Tăng trong năm	4.035.077.105	20.873.332.703	165.744.371	584.019.104	80.875.702	25.739.048.985
Khấu hao trong năm	4.035.077.105	20.873.332.703	165.744.371	584.019.104	80.875.702	25.739.048.985
Giảm trong năm	974.614.616	2.960.101.838	1.093.055.721	2.363.277.980	427.760.546	7.818.810.701
Thanh lý, nhượng bán	974.614.616	2.960.101.838	1.000.455.721	2.314.147.820	340.033.273	7.589.353.268
Giảm do điều chuyển	-	-	92.600.000	49.130.160	87.727.273	229.457.433
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	23.629.485.884	89.814.333.177	1.018.796.235	4.470.953.002	1.972.016.214	120.905.584.512
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 01/01/2012	79.603.082.902	168.625.016.738	328.294.908	2.215.862.523	108.470.187	250.880.727.258
Tại ngày 31/12/2012	75.805.344.136	149.297.711.687	266.306.173	1.475.478.403	27.594.485	226.872.434.884



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**8. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Các khoản đầu tư trực tiếp vào công ty con của Công ty tại ngày 31/12/2012 như sau:

	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	19.045.267.289	71,87%	Dệt kim, gia công may xuất khẩu
Công ty Cổ phần May Thanh Tri	10.600.000.000	51,00%	May gia công xuất khẩu

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012, Công ty không thực hiện hợp nhất số liệu báo cáo của Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long do có sự chênh lệch ghi nhận giá trị khoản đầu tư tại Công ty mẹ và Công ty con.

**9. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT**

Chi tiết đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết như sau:

	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty CP HAP CAPITAL	9.800.000.000	49,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Sản xuất XNK Thanh Hà	4.275.000.000	26,93%	TM & SXKD sản phẩm may
Công ty CP SXKD Bao bì và Hàng XK Hà Nội	600.000.000	30,00%	Thương mại
Công ty Cổ phần Mỹ nghệ XNK Hà Nội	630.000.000	30,00%	Xuất nhập khẩu
Công ty CP Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	5.971.600.000	35,35%	Thương mại
Công ty Haprosimex Đông Đô	8.829.000.000	33,96%	May gia công xuất khẩu
<b>Cộng</b>	<b><u>30.105.600.000</u></b>		

**10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC**

	<u>Giá trị đầu tư</u>	<u>Tỷ lệ</u>	<u>Hoạt động chính</u>
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm SAFOCO-SAF	703.162.400		

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<u>31/12/2012</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2012</u> <u>VND</u>
Lãi vay	87.762.076.138	47.734.965.947
Tiền thuê đất khu Ninh Hiệp	15.511.266.825	15.920.192.385
Khác	748.873.379	705.633.474
<b>Cộng</b>	<b><u>104.022.216.342</u></b>	<b><u>64.360.791.806</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Nội (i)	108.291.884.190	108.472.406.668
Ngân hàng TMCP Quân Đội (ii)	10.410.192.927	37.856.400.869
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Ba Đình(iii)	39.099.456.542	39.106.252.395
Haprosimex JSC	800.000.000	-
Công ty Dệt kim Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
Cán bộ công nhân viên trong Công ty (iv)	12.994.000.000	-
Vay cá nhân	750.000.000	10.877.000.000
<b>Cộng</b>	<b>180.345.533.659</b>	<b>204.312.059.932</b>
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>32.193.300.000</b>	<b>21.897.640.000</b>
<b>Cộng</b>	<b>212.538.833.659</b>	<b>226.209.699.932</b>

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội số tiền là 97.453.841.060 đồng, thời hạn vay 3 tháng, lãi suất vay từ 13,5% đến 14%/năm; Số tiền cho vay bằng USD là 529.027 USD, thời hạn vay 3 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay quá hạn thanh toán theo hợp đồng.
- (ii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Quân Đội, số tiền cho vay bằng Việt Nam đồng là 8.489.060.000 đồng, vay bằng USD là 1.409.993,32 USD, thời hạn vay từ 2 đến 4 tháng; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay quá hạn thanh toán theo hợp đồng.
- (iii) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội (nay là Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội – Chi nhánh Ba Đình), số tiền vay bằng Việt Nam đồng là 31.242.695.564 đồng, lãi suất bình quân là 15,5%/năm, thời hạn vay là 3 tháng, khoản vay bằng USD là 377.547,38 USD lãi suất vay 7,5%/năm; mục đích sử dụng tiền vay là để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay quá hạn thanh toán theo hợp đồng.
- (iv) Khoản vay cán bộ công nhân viên kỳ hạn từ 3 đến 13 tháng, lãi suất từ 1,5% đến 2%/tháng.

**13. PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP KHÁC**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tài sản thừa chờ xử lý	53.929.500	-
Kinh phí công đoàn	498.741.999	70.091.433
Bảo hiểm xã hội	2.722.684.842	1.066.161.666
Bảo hiểm thất nghiệp	104.512.751	-
Lãi vay phải trả (1)	104.609.058.893	65.580.815.132
Công ty CP HAPROSIMEX Thăng Long	1.856.000.000	1.040.000.000
Lãi bán phần vốn góp vào Công ty TNHH MSA - Hapro	-	9.050.140.954
Tiền ủy thác phải trả cho Công ty Xuất nhập tổng hợp Vạn Xuân (Bộ quốc phòng) (2)	17.546.546.264	17.558.348.495
Khác	7.087.123.596	1.308.926.789
<b>Cộng</b>	<b>134.478.597.845</b>	<b>95.674.484.469</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

(1) Lãi vay phải trả bao gồm:

- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam bao gồm lãi vay ngắn hạn và lãi vay dài hạn với số tiền là 42.156.887.080 đồng và 1.239.225,04 USD của các hợp đồng vay ngắn hạn và dài hạn để bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đầu tư xây dựng nhà máy dệt kim Haprosimex và đầu tư xây dựng nhà máy nước Đông Anh, đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán lãi cho ngân hàng.
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Quân Đội với số tiền là 2.386.065.816 đồng và 423.656,98USD của các hợp đồng vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán lãi cho ngân hàng.
- Lãi vay phải trả Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Hà Nội với số tiền 15.101.755.400 đồng và 97.015,12 USD của các hợp đồng vay ngắn hạn bổ sung vốn lưu động cho Công ty, đến thời điểm hiện tại đã quá hạn thanh toán lãi cho ngân hàng.
- Lãi vay vốn tự huy động sử dụng cho Dự án nhà máy nước Đông Anh được Công ty tạm tính trên cơ sở giá trị các khoản thanh toán cho các nhà thầu và các khoản chi khác bằng nguồn vốn tự có với lãi suất 12%/năm từ thời điểm phát sinh các khoản thanh toán đến hết 31/12/2012. Tính đến thời điểm 31/12/2012 lãi vay phát sinh là 8.983.946.842 đồng.

- (2) Là số tiền phải trả lại cho Bộ Quốc Phòng về tiền hàng mà Công ty đã nhận của các đối tác nước ngoài do công ty thực hiện dịch vụ ủy thác xuất khẩu cho Bộ Quốc Phòng.

**14. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
<b>Vay ngân hàng</b>	<b>161.004.846.743</b>	<b>171.506.546.743</b>
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (*)	161.004.846.743	171.470.146.743
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - CN Long Biên	-	36.400.000
<b>Vay đối tượng khác</b>	-	<b>1.368.000.000</b>
Vay cá nhân (**)	-	1.368.000.000
<b>Cộng</b>	<b>161.004.846.743</b>	<b>172.874.546.743</b>

- (\*) Khoản vay dài hạn đồng tài trợ từ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Hà Nội, ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà nội, ngân hàng thương mại cổ phần quân đội theo các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 01-2004/HDTD/VCB/HAPROSIMEX ngày 21/7/2004, tổng số tiền cho vay bằng USD là 12.445.242,08 USD, thời hạn vay 89 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất tại khu công nghiệp Ninh Hiệp, toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị của dự án Xí nghiệp dệt kim, các quyền lợi phát sinh từ tài sản hình thành từ vốn vay và trụ sở làm việc tại 22 Hàng Lược; mục đích sử dụng tiền vay là để thực hiện dự án Đầu tư "Xí nghiệp Dệt kim". Số dư tại ngày 31/12/2011 là 8.480.000 USD tương ứng với 176.621.440.000 đồng, trong đó số đến hạn trả là 630.000 USD tương ứng với 13.121.640.000 đồng.
- Hợp đồng tín dụng số 01/08/DH/NHNTHN ngày 29/09/2008, tổng số tiền cho vay bằng VND là 19.970.346.743 VND, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng; tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ dự án di dời, đầu tư và chuyển đổi năng lực sản xuất xí nghiệp mũ xuất khẩu; mục đích sử dụng vốn vay là thanh toán các khoản chi phí thiết kế, thi công xây dựng cơ sở hạ tầng, nhà, xưởng và chi phí mua máy móc thiết bị, dụng cụ quản lý của dự án. Số dư tại ngày 31/12/2011 là 16.746.346.743 đồng trong đó số đến hạn trả là 8.776.000.000 đồng.

- (\*\*) Khoản vay các cá nhân là khoản vay có thời hạn từ 6 tháng đến 24 tháng từ cán bộ công nhân viên trong Công ty với lãi suất vay từ 1,5%/tháng đến 2%/tháng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

*Lịch trả nợ của công ty chi tiết như sau:*

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Trong vòng một năm	32.193.300.000	21.897.640.000
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	161.004.846.743	172.874.546.743
<b>Cộng</b>	<b><u>193.198.146.743</u></b>	<b><u>194.772.186.743</u></b>
Nợ ngắn hạn đến hạn trả	32.193.300.000	21.897.640.000
<b>Vay dài hạn</b>	<b><u>161.004.846.743</u></b>	<b><u>172.874.546.743</u></b>

**15. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện là khoản tiền thu từ việc Công ty cho Công ty Cổ phần thời trang NEM thuê một phần văn phòng số 22 Hàng Lược với thời gian thuê là 34 năm kể từ khi bàn giao địa điểm cho thuê với giá trị 12.727.272.727 đồng (tổng giá trị hợp đồng và phụ lục hợp đồng bao gồm cả thuế GTGT là 14 tỷ đồng).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu VND</b>	<b>Cổ phiếu quỹ VND</b>	<b>Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển VND</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VND</b>	<b>Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VND</b>
<b>Tại ngày 01/01/2012</b>	<b>165.012.862.405</b>	<b>(159.000.000)</b>	<b>(39.357.953.791)</b>	<b>3.183.458.431</b>	<b>3.013.134.597</b>	<b>1.013.799.142</b>	<b>(134.006.705.804)</b>
<b>Tăng trong năm</b>	<b>12.476.766.809</b>	<b>-</b>	<b>194.873.741</b>	<b>191.466.587</b>	<b>446.411.372</b>	<b>348.426.018</b>	<b>(27.876.948.380)</b>
Tăng vốn trong năm	12.476.766.809	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ	-	-	-	191.466.587	95.733.294	-	-
Tăng khác	-	-	194.873.741	-	350.678.078	348.426.018	-
Lỗi trong năm	-	-	-	-	-	-	(27.876.948.380)
<b>Giảm trong năm</b>	<b>3.949.400.000</b>	<b>-</b>	<b>250.345.444</b>	<b>88.344.088</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>1.541.807.750</b>
Trích quỹ	-	-	-	-	-	-	478.666.468
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-
Kết chuyển chênh lệch tỷ giá	-	-	-	-	-	-	-
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá	-	-	250.345.444	-	-	-	-
Giảm khác	3.949.400.000	-	-	88.344.088	-	-	1.063.141.282
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>173.540.229.214</b>	<b>(159.000.000)</b>	<b>(39.413.425.494)</b>	<b>3.286.580.930</b>	<b>3.459.545.969</b>	<b>1.362.225.160</b>	<b>(163.425.461.934)</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Doanh thu về bán hàng hóa, dịch vụ</b>		
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	134.739.608.676	238.987.438.179
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>832.603.526</b>	<b>3.393.000.004</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>133.907.005.150</b>	<b>235.594.438.175</b>

**18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	140.616.777.345	209.963.557.463
<b>Cộng</b>	<b>140.616.777.345</b>	<b>209.963.557.463</b>

**19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền gửi	203.727.900	358.760.203
Cổ tức được chia	-	50.000.000
Chênh lệch tỷ giá	157.973.574	1.021.589.275
Khác	-	1.048.551.822
<b>Cộng</b>	<b>361.701.474</b>	<b>2.478.901.300</b>

**20. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Lãi tiền vay	2.239.863.974	5.464.897.307
Chênh lệch tỷ giá	259.850.341	562.146.691
<b>Cộng</b>	<b>2.499.714.315</b>	<b>6.027.043.998</b>

**21. THU NHẬP KHÁC**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chuyển nhượng vốn và quyền góp vốn	9.524.449.727	2.724.189.426
Thu thanh lý tài sản	2.163.143.409	1.185.296.634
Khác	57.330.702	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>11.744.923.838</b>	<b>3.917.486.060</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU B 09-DN/HN**

*Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**22. CHI PHÍ KHÁC**

	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chuyển nhượng vốn và quyền góp vốn	280.777.000	250.000.000
Thanh lý tài sản cố định	1.612.178.043	534.305.787
Chi bồi thường, bị phạt	321.919.653	-
Khác	109.327.426	1.100.000
<b>Cộng</b>	<b>2.324.202.122</b>	<b>785.405.787</b>

**23. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm tài chính, Công ty có các nghiệp vụ chủ yếu với bên liên quan như sau:


	<b>Năm 2012</b>	<b>Kỳ từ 30/11/2010 đến 31/12/2011</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Mua hàng</b>		
Công ty Cổ phần Hap Capital	45.854.797	7.990.941.695
Số dư với các bên liên quan:		
	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Phải trả</b>		
Công ty Cổ phần Hap Capital	-	6.530.446.182
<b>Vay ngắn hạn</b>		
Công ty Cổ phần Haprosimex Thăng Long	8.000.000.000	8.000.000.000
<b>Phải trả khác</b>		
Công ty Cổ phần Sản xuất - Dịch vụ - XNK Hà Nội	1.000.000.000	-

**24. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN**


Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 12 năm 2010 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011 đã được kiểm toán.

  
**Nguyễn Cự Tâm**  
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2013

  
**Trần Thị Thanh Hương**  
Trưởng phòng